

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/DS-PT

Ngày: 19/5/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Lê Thanh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hậu Mộng Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLPT-DS ngày 16/3/2020 về tranh chấp: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 216/2019/DSST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 164/2020/QĐ-PT ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1969

Địa chỉ: số 803/44/9, khu phố 2, phường Phú T, quận 7, thành phố Z

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Thúc L, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 16 đường 10C, phường 6, quận 4, thành phố Z.

Bị đơn: Ông Phạm An T2, sinh năm 1948 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Phúc, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1960 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp An TH, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Phạm Trần Minh P, sinh năm 1990

4. Anh Phạm Trần Minh Ph, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: số 803/44/9, khu phố 2, phường P, quận 7, thành phố Z.

Đại diện ủy quyền của anh Phạm Trần Minh P, anh Phạm Trần Minh Ph:

Ông Trần Thúc L, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 16 đường 10C, phường 6, quận 4, thành phố Z.

5. Ông Phạm Công T3, sinh năm 1930 (đã chết)

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T3:

5.1. Ông Phạm An Tr, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: 268/1B, Nguyễn Văn Đ, phường 11, quận Bình TH, thành phố Z.

5.2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1953 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư V, số 291/C34, tổ 12, khu phố 2, phường A, quận 2, thành phố Z.

5.3. Bà Phạm Thu L2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: 229/8 Phan Văn Tr, phường 11, quận Bình TH, thành phố Z

5.4. Ông Phạm Công D, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: 229/8 Phan Văn T, phường 11, quận Bình TH, thành phố Z

6. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T5 - Chủ tịch.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C2 - Trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện B. (có đơn xin vắng mặt)

7. Văn phòng công chứng M.

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn C3 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An Thiện, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Trần Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

*** Đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Trần Ngọc T là ông Trần Thúc L trình bày:**

Bà Trần Ngọc T và ông Phạm An T2 đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1986, đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2001, sau khi cưới thì vợ chồng bà T, ông T2 chung sống tại xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang, đến năm 1998 bà T chuyển hộ khẩu về Thành Z sinh sống. Bà T và ông T2 có hai con chung là Phạm Trần Minh P, sinh năm 1990 và Phạm Trần Minh Ph, sinh năm 1995. Ngày 09/10/2000 ông Phạm An T2 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 677, tờ bản đồ HKC5, diện tích 7.913m², tại xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang, nguồn gốc đất này là do ông Phạm An Th và bà Lâm Thị N là cha mẹ của ông T2 và ông T3 để lại. Năm 2000 ông T3 để lại cho ông T2 đại diện hộ đứng tên, thời điểm năm 2000 trong hộ gồm ông T2, ông T3, anh P và anh Ph. Năm 2012 ông T3 đã chuyển hộ khẩu lên Thành Phố Z, năm 2013 anh P và anh Ph chuyển hộ khẩu về Thành Phố Z chung sống với bà T. Đến tháng 10/2015 ông Võ Văn Đ và ông T2 tranh chấp đất đai tại Tòa án nhân dân huyện B, lúc này bà T biết được ông T2 đã tự ý chuyển nhượng phần đất diện tích 3.149m² trong tổng diện tích đất 7.913m² tại xã H, huyện B, tỉnh T cho ông Đ, việc chuyển nhượng này không thông qua ý kiến của bà T vì phần đất này là tài sản của ông Phạm An Th và bà Lâm Thị N để lại cho bà T và anh P theo tờ chúc ngôn ngày 26/01/1991 và theo chúc ngôn của ông T3 vào ngày 06/3/1995. Việc chuyển nhượng giữa ông T2 và ông Đ đã được Văn phòng công chứng M công chứng và Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Đ đứng tên.

Nay đại diện ủy quyền của bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng M công chứng số 589, quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2013 giữa ông T2 và ông Đ vô hiệu. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn Đ.

*** Bị đơn ông Phạm An T2 trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày của ông L là đại diện ủy quyền của bà T, ông đã tự ý chuyển nhượng đất là tài sản chung của ông và bà T cho ông Võ Văn Đ mà không thông qua ý kiến của bà T.

Nay ông đồng ý với T2 bộ yêu cầu của bà T, yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng M công chứng số 589, quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2013 giữa ông và ông Đ vô hiệu, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn Đ, ông đồng ý trả lại số tiền 1.277.000.000đ đã nhận của ông Đ khi chuyển nhượng đất.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trần Minh P, anh Phạm Trần Minh Ph cùng ủy quyền cho ông Trần Thúc L trình bày:** Thống nhất lời trình bày của bà T và đồng ý T2 bộ yêu cầu của bà T.

*** Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công T3:** bà Phạm Thị H, ông Phạm An Tr, bà Phạm Thu L2, ông Phạm Công D đã được tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại tờ tự khai ngày 27/6/2019 bà Phạm Thị H trình bày, bà là con ông Phạm Công T3 chết ngày 05/12/2016 theo giấy chứng tử số 167/2016 ngày 15/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường 11 quận Bình TH, bà không tranh chấp và không liên quan đến vụ án bà Trần Ngọc T kiện ông Phạm An T2, bà có đơn xin vắng mặt. Còn ông An, bà L2, ông D không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do.

***Tại tờ tự khai ngày 30/12/2015 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ trình bày:** Ông có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 3.149m² thuộc thửa số 677 có diện tích 7.913m² tại ấp H, xã H, huyện B, tỉnh T do ông Phạm An T2 đại diện hộ gia đình đứng tên với giá 1.277.000.000đ, việc chuyển nhượng này đúng theo quy định pháp luật, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, ông không đồng ý theo T2 bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M:** là vợ ông Võ Văn Đ đã được tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do.

*** Tại văn bản và đơn xin vắng mặt ngày 05/5/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn Phòng công chứng M đại diện ông Nguyễn Văn C trình bày:** Khi ông Phạm An T2 yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Văn phòng công chứng có gửi phiếu yêu cầu xác minh thành viên trong hộ khẩu và được công an xã H xác nhận hộ ông T2 thời điểm năm 2000 có 4 thành viên, sau đó ông T2 có đến Văn phòng Công chứng Hội Nhập để làm hợp đồng ủy quyền, các thành viên trong hộ ủy quyền cho ông T2 được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ, việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T2 và ông Đ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

***Tại công văn số 827/UBND-NC ngày 26/4/2016 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B trình bày nội dung:** Ngày 05/12/2013 Văn phòng công chứng M đã công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao kết giữa hộ gia đình ông Phạm An T2 với ông Võ Văn Đ, công chứng số 589, quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐCGD. Bên chuyển nhượng hộ ông Phạm An T2 là chủ sử dụng thửa đất số 677, tờ bản đồ số HKC5 diện tích 7.913m², loại đất V tại xã H, huyện B, tỉnh T, ông Võ Văn Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có diện tích chính lý 3.149,6m² số thửa mới 500, số tờ bản đồ mới 17, mục đích sử dụng CLN (trong diện tích gốc 7.913m², thửa đất gốc số 677, tờ bản đồ gốc số HKC5). Từ cơ sở trên, ngày 27/12/2013 Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01770/BO249303 cho ông Võ Văn Đ đối với thửa 500, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.149,6m² tại ấp P, xã H, huyện B, tỉnh T. Như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là đúng với trình tự thủ tục quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B áp dụng Điều 244, khoản 2 Điều 227, 288 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 109, 124, 688, 697, 698 của Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Điều 166, 168, 188 của Luật đất đai; Áp dụng Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc T, yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm An T2 và ông Võ Văn Đ công chứng số 589, quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2013 tại Văn phòng công chứng M và Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01770/BO249303 thuộc thửa số 500, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.149,6m² tại ấp P, xã H, huyện B, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 27/12/2013 cho ông Võ Văn Đ đứng tên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 11/11/2019 nguyên đơn bà Trần Ngọc T có đơn kháng cáo T2 bộ bản án sơ thẩm số 216/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đ, Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng M công chứng số 589, quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2013 giữa ông Phạm An T2 và ông Võ Văn Đ vô hiệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là chúc ngôn ngày 26/01/1991 của ông Phạm An Th và bà Lâm Thị N, chúc ngôn ngày 06/3/1995 của ông Phạm Công T3 giao cho bà T và anh P tổng diện tích 7.366m² đất tọa lạc tại xã H, huyện B, tỉnh T. Xét thấy, chúc ngôn ông Phạm An Th và bà Lâm Thị N lập năm 1991 trong đó có nội dung “*Phạm Công T3 một căn nhà 3 căn và tất cả đồ đạc trong nhà với một miếng vườn rộng 7.366m²...*” theo quy định pháp luật tại thời điểm năm 1991 đất đai thuộc sở hữu T2 dân do Nhà nước quản lý, đất đai không phải là đối tượng để lại thừa kế nên việc phân chia di sản quyền sử dụng đất là không phù hợp, mặc khác ngày 13/11/1998 ông Phạm Công T3 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 677 diện tích 8.913m² không ai tranh chấp và tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2017 đại diện nguyên đơn xác định bà T biết rõ ông T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà không có ý kiến gì vì lúc đó bà có hộ khẩu ở thành phố Z, do đó đến năm 2000 ông T3 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Minh T6 1.000m², thửa đất số 677 còn lại diện tích 7.913m² sang tên chuyển quyền cho ông T2 và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/10/2000 cho ông T2 đại diện hộ đứng tên cũng không ai tranh chấp, thời điểm năm 2000 trong hộ gồm ông T3, ông T2, anh P và anh Ph, tại hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 29/11/2013 và 02/12/2013 ông T3, anh P, anh Ph là người

cùng hộ ông Phạm An T2 thống nhất ủy quyền cho ông T2 với nội dung “*Được T2 quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng*” trên cơ sở đó, ngày 05/12/2013 ông T2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ và được Văn phòng công chứng M công chứng số 589, quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD là phù hợp quy định pháp luật và ông Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01770/BO249303 thuộc thửa số 500, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.149,6m² tại ấp P, xã H, huyện B, tỉnh T vào ngày 27/12/2013 là đúng theo trình tự pháp luật quy định, đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng đất là tài sản chung của ông T2 và bà T có trong thời kỳ hôn nhân là mặc nhiên vì đây là hôn nhân hợp pháp, do việc chuyển nhượng giữa ông T2 và ông Đ mà hai bên thường xảy ra xích mích mâu thuẫn với nhau nên đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng, hủy giấy chứng nhận đã cấp, tuy nhiên bị đơn cùng thừa nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp là được cấp cho hộ gia đình, những người cùng hộ ông T2 đã thống nhất ủy quyền cho ông T2 được quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do đó việc ông T2 thống nhất toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và ông đồng ý trả lại cho ông Đ số tiền đã nhận 1.277.000.000đ khi ký hợp đồng chuyển nhượng là không có căn cứ.

Từ những căn cứ trên việc bà T kháng cáo cho rằng diện tích đất 3.149,6m² là tài sản chung giữa bà và ông T2 theo Luật Hôn nhân gia đình là không có căn cứ, nên yêu cầu kháng cáo của bà T không có cơ sở chấp nhận.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ruột ông Phạm Công T3 và Phạm An T2. Ngày 13/11/1998, ông Phạm Công T3 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 677 diện tích 8.913m² không ai tranh chấp. Đến năm 2000 ông T3 chuyển quyền sử dụng đất cho anh Thành 1.000m², ông T2 diện tích 7.913m², ông T2 đại diện hộ đứng tên. Tại thời điểm năm 2000 trong hộ gồm ông T3, ông T2, anh P, anh Ph. Tại hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 29/11/2013 và 02/12/2013 những thành viên trong hộ thống nhất cho ông T2 được quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng. Như vậy ông T2 được quyền định đoạt tài sản của hộ. Nên việc ông T2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ là đúng theo trình tự pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng

quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Văn Đ là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, 168, 170 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 170 Luật Đất đai và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 216/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc T, yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm An T2 và ông Võ Văn Đ công chứng số 589, quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2013 tại Văn phòng công chứng M và Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01770/BO249303 thuộc thửa số 500, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.149,6m² tại ấp P, xã H, huyện B, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 27/12/2013 cho ông Võ Văn Đ đứng tên.

Về án phí:

Bà Trần Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bà đã nộp 700.000đ tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 04537 ngày 07/12/2015 và 04970 ngày 25/3/2016 và biên lai thu số

0002576, ngày 11/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, nên được hoàn lại 200.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong